

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/04/2024

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Sĩ Tiến

Ông Nguyễn Văn Tám

-Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 và ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 717/2023/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024; Thông báo tiếp tục phiên tòa ngày 20

tháng 3 năm 2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú tại số B12A-13B chung cư H, đường số M, phường P, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt); HKTT: số 59/3A L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ: Luật sư Nguyễn Đình H – Văn phòng Luật sư VNL thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú tại số 59/3A L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2023 và quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn H chung sống với nhau từ năm 1991, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường S (nay là phường T), thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc bình thường đến năm 2008 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà Đ do bất đồng về quan điểm sống vì ông H có tính gia trưởng, hay áp đặt. Ngoài ra, ông H không quan tâm chăm sóc vợ con, còn rượu chè, say xỉn, có lời lẽ xúc phạm vợ dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt không hàn gắn được. Năm 2009, bà Đ đã làm đơn đưa ra tòa xin ly hôn, ông H hứa sẽ thay đổi tính tình nên bà Đ tha thứ và hòa giải hàn gắn gia đình. Tuy nhiên, sau 06 tháng thì tính tình ông H trở lại như cũ nên năm 2019 bà Đ sống ly thân. Trong thời gian này, ông H vẫn có hành vi bạo lực gia đình và xúc phạm bà Đ.

Nay bà Đ xác nhận không còn tình cảm với ông H nữa, vợ chồng không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với ông H.

-Về con chung: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn H có 01 con chung là Trần Thủy T, sinh ngày 04-11-1991 (đã trưởng thành)

-Tài sản chung và nợ chung: Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - ông Trần Văn H trình bày:

Ông Trần Văn H xác nhận: ông và bà Đ quen nhau từ năm 1989 đến tháng 02 năm 1991 thì cưới nhau có đăng ký kết hôn.

Theo ông H: Quá trình chung sống thì vợ chồng có mâu thuẫn là không tránh khỏi. Tuy nhiên, ông H vẫn chung thủy với vợ và yêu thương gia đình. Năm 2009, bà Đ gửi đơn ra tòa ly hôn vì lý do không rõ ràng nên Tòa án hòa giải hai bên về đoàn tụ. Thời gian sau, do bà Đ hay chấp nhận những chuyện nhỏ, nghi kỵ vô căn cứ nhưng không trao đổi, sẻ chia nên cứ thế oán hận trong lòng.

Nay ông H xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng không có gì lớn, lý do bà Đ đưa ra ly hôn không rõ ràng nên ông H không đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn H có 01 con chung là Trần Thủy T, sinh ngày 04-11-1991 (đã trưởng thành)

-Tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà Kiểm sát viên có ý kiến:

+Về thủ tục tố tụng: quá trình thụ lý, điều tra, hoà giải Thẩm phán, Thư ký và đương sự tuân theo quy định của pháp luật.

Tại phiên xét xử: Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo quy định của pháp luật, đương sự tuân theo quy định của pháp luật.

+Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ. Bà Đ được ly hôn với ông H. Con chung đã trưởng thành; tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định :

I/ Về tố tụng:

Xét quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án: Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn H nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”; ông H có địa chỉ cư trú tại thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

II/ Về nội dung:

[1]. Theo xác nhận của bà Đ thì bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường S (nay là phường T), thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên hôn nhân giữa bà Đ và ông H là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Bà Đ xác nhận quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống vì ông H có tính gia trưởng, hay áp đặt. Ngoài ra, ông H không quan tâm chăm sóc vợ con, còn có lời lẽ xúc phạm vợ dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt không hàn gắn được. Năm 2009, bà Đ đã làm đơn đưa ra tòa xin ly hôn, ông H hứa sẽ thay đổi tính tình nên bà Đ tha thứ và hòa giải hàn gắn gia đình. Tuy nhiên, sau 06 tháng thì tính tình ông H trở lại như cũ nên năm 2019 bà Đ sống ly thân. Trong thời gian này, ông H vẫn có hành vi bạo lực gia đình và xúc phạm bà Đ.

Nay bà Đ xác nhận không còn tình cảm với ông H nữa, vợ chồng không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với ông H.

Ông H lại cho rằng: Quá trình chung sống thì vợ chồng có mâu thuẫn là không tránh khỏi. Tuy nhiên, ông H vẫn chung thủy với vợ và yêu thương gia đình. Tuy

nhiên, do bà Đ hay chấp nhặt những chuyện nhỏ, nghi kỵ vô căn cứ nhưng không trao đổi, sẻ chia nên cứ thế oán hận trong lòng.

Nay ông H xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng không có gì lớn, lý do bà Đ đưa ra ly hôn không rõ ràng nên ông H không đồng ý ly hôn.

Theo kết quả xác minh tại địa phương thì vợ chồng ông H, bà Đ có phát sinh mâu thuẫn nhưng chính quyền cơ sở không rõ nguyên nhân.

Xét thấy, vợ chồng bà Đ và ông H mâu thuẫn là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H có thái độ lời lẽ xúc phạm, không tôn trọng vợ dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt không hàn gắn được. Ông H cho rằng mình vẫn chung thủy với vợ và yêu mến gia đình, không muốn gia đình đổ vỡ nên mâu thuẫn không có gì lớn. Bà Đ xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã không thể hàn gắn được nên bà đã chủ động sống ly thân từ năm 2019 đến nay, nhà ai nấy ở, không quan hệ tình cảm, tài chính.

Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

Tình nghĩa vợ chồng

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...

Cho thấy, bà Đ không còn tình cảm yêu thương chồng, ông H không tôn trọng vợ, hai người không còn sống chung với nhau, không quan tâm chăm sóc cho nhau nên không thỏa mãn điều khoản về tình nghĩa vợ chồng.

Do đó, hôn nhân của bà Đ và ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung giữa họ không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên chấp nhận cho bà Đ ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn H có 01 con chung là Trần Thủy T, sinh ngày 04-11-1991 (đã trưởng thành)

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 19, Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

-Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Trần Văn H về việc ‘Ly hôn’

-Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Trần Văn H.

-Về con chung: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn H có 01 con chung là là Trần Thủy Tiên, sinh ngày 04-11-1991 (đã trưởng thành)

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

2/Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000(ba trăm nghìn)đồng, được khấu trừ 300.000(ba trăm nghìn)đồng bà Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001438 ngày 17-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; Bà Đ đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

**TM.HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ SÔ THẨM
THẨM PHÁN-CHUÛ TỌA PHIEÂN TOAØ**

Nơi nhận:

-VKS TP Vũng Tàu

-Tòa án tỉnh BR-VT

-Chi cục THA TP Vũng Tàu,

-UBND phường T, VT

-Gửi đương sự,

Lưu hồ

Nguyễn Văn Hiến